

Bản án số: **141/2024/HS-ST**
Ngày: 27/6/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Lâm Bình**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **Hoàng Thị An**

Bà **Trần Thị Đông**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Đăng Hùng**- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện A.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Xuân Luân**- Kiểm sát viên.

Ngày 27/6/2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, TP. Hà Nội xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 137/2024/TLST-HS ngày 12/6/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2024/QĐXXST-HS ngày 17/6/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đặng Minh P**, sinh năm 1959; Nơi cư trú: Thôn DN, xã VH, huyện A, TP. Hà Nội; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 10/10; Nghề nghiệp: Nguyên cán bộ Đảng ủy- Hội đồng nhân dân- Ủy ban nhân dân xã VH đã nghỉ hưu theo chế độ; Đảng P: Là **Đảng viên** Đảng cộng sản Việt Nam, đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 151-QĐ/UBKTHU ngày 17/6/2024 của Ủy ban kiểm tra- Huyện ủy A; Con ông Đặng Minh Đ (Đã chết) và bà Đình Thị N; Có vợ là Xuân Thị P và có 01 con, sinh năm 1985; Theo danh chỉ bản số 172 của Công an huyện A lập ngày 30/01/2024 xác định: Tiền án tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam: Không; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

*** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Ông **Nguyễn Viết Đ**, sinh năm 1959. Nơi cư trú: Thôn LG, xã VH, huyện A, TP. Hà Nội. Có mặt.

2. Ông **Nguyễn Viết O**, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Thôn LG, xã VH, huyện A, TP. Hà Nội. Có mặt.

3. Ông **Nguyễn Hữu D**, sinh năm 1939. Nơi cư trú: Khu Đ, Thôn DN, xã VH, huyện A, TP. Hà Nội. Vắng mặt.

4. Ông **Ngô Văn D1**, sinh năm 1944. Nơi cư trú: Khu T, Thôn DN, xã VH, huyện A, TP. Hà Nội. Vắng mặt.

5. **Văn phòng công chứng A**. Địa chỉ trụ sở: Số a, đường CL, tổ b, thị trấn A, huyện A, TP. Hà Nội. Vắng mặt.

*** Đại diện chính quyền địa phương nơi xảy ra sự việc, hành vi bị truy tố:** Ủy ban nhân dân xã VH, huyện A, TP. Hà Nội do bà Nguyễn Việt O1- Phó Chủ tịch là đại diện theo ủy quyền. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án như sau: Đặng Minh P nguyên là cán bộ thuộc Đảng ủy- Hội đồng nhân dân- Ủy ban nhân dân xã VH, huyện A, TP. Hà Nội từ năm 1994 đến khoảng giữa tháng 7 năm 2019 thì nghỉ hưu theo chế độ. Từ năm 1994 đến năm 2004, Đặng Minh P giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã (Gọi tắt là UBND). Sau khi nghỉ hưu, P có ý định trưng bày tại gia đình một số mẫu dấu, mẫu chức danh có liên quan đến chức vụ của mình khi còn đang công tác tại UBND xã VH để làm kỷ niệm. Khoảng tháng 9/2019, P tìm và đặt mua trên mạng xã hội (Không nhớ trang Web, không biết người làm và bán) 01 dấu tròn **“U.B.N.D XÃ VH H.A TP.HÀ NỘI”**, 01 dấu có chữ **“CHỦ TỊCH”** và 01 dấu tên **“Đặng Minh P”** (Loại dấu nhựa dập) với giá 750.000 đồng.

Đến khoảng tháng 02/2020, ông Nguyễn Việt Đ đến gặp và đề cập với P về việc: Năm 1999, ông Đ đã sử dụng diện tích đất ao khoảng 340 m² tại khu trong làng thôn LG, xã VH để ăn ở, sinh sống và đã tiến hành san lấp ao, không có tranh chấp với ai từ. Đến nay, gia đình có nhu cầu muốn xin chính quyền địa phương xác nhận việc được giao diện tích đất tại địa chỉ trên để tiếp tục được sử dụng. Thấy ông Đ nói vậy, P nảy sinh ý định sẽ sử dụng các con dấu đã đặt mua để xác nhận giúp cho ông Đ và bảo ông Đ về nhà viết đơn xin xác nhận, để lùi thời gian trong đơn về thời điểm năm 1999 (Thời điểm P đang giữ chức vụ Chủ tịch xã). Sau đó, ông Đ về nhà nhờ chị Trần Thị Như Q (Con dâu ông Đ) viết đơn xin xác nhận rồi mang đến đưa cho P. Sau khi nhận được *“Đơn xin cấp đất ở”* của ông Đ, P đã ký tên rồi sử dụng con dấu tròn giả **“U.B.N.D XÃ VH H.A TP.HÀ NỘI”**, dấu chức danh **“CHỦ TỊCH”** và dấu tên **“Đặng Minh P”** đóng xác nhận vào đơn của ông Đ với nội dung xác nhận: *“Thay mặt Ủy ban nhân dân xã VH đồng ý cho hộ của ông Đ sử dụng diện tích đất tại địa chỉ trên”*. Khoảng 01 tuần sau, P đưa lại cho ông Đ đơn xác nhận trên và không nhận chi phí gì. Ông Đ đã đến Văn phòng công chứng A để chứng thực bản sao đúng với bản chính đối với đơn xác nhận trên.

Cũng bằng cách thức trên, Đặng Minh P đã thực hiện việc sử dụng con dấu tròn giả xác nhận thêm cho 03 hộ gia đình khác trên địa bàn xã VH với các nội dung tương tự, cụ thể:

- Khoảng tháng 6/2020, Đặng Minh P hướng dẫn cho ông Nguyễn Việt O làm *“Đơn xin xác nhận sử dụng đất”* lùi về thời điểm năm 1999 đối với diện tích đất ao khoảng 400 m² tại khu vực bột điện thôn LG, xã VH. Sau đó, P đã ký tên xác nhận của UBND xã VH có nội dung *“Hộ gia đình anh Nguyễn Việt O đã san lấp và tôn tạo nay được sử dụng 400 m² đất nguyên trạng đúng mục đích dựng lán xưởng làm nghề”* rồi sử dụng các con dấu giả đóng xác nhận và đưa lại cho ông O để sử dụng. Gia đình ông O đã đến Văn phòng công chứng A để chứng thực bản sao đúng với bản chính đối với đơn xin xác nhận trên.

- Khoảng tháng 3/2021, ông Nguyễn Hữu D đến gặp P và trình bày về việc gia đình có nhu cầu muốn xin xác nhận được sử dụng lâu dài đối với diện tích 120 m² đất tại Khu bãi T, xã VH. P đồng ý và hướng dẫn ông D viết đơn “*Bản kê đất trồng cây lâu năm*”, thời điểm làm đơn lùi về năm 1999. Sau đó, P cũng sử dụng các con dấu giả mua được đóng xác nhận và ký xác nhận vào đơn trên cho ông D với nội dung: “*Ủy ban nhân dân xã VH xác nhận hộ gia đình ông Nguyễn Hữu D đã trình bày trên là đúng. Đồng ý cho gia đình tiếp tục sử dụng lâu dài*” rồi đưa lại cho ông D.

- Cũng vào tháng 3/2021, ông Ngô Văn D1 đến gặp và nhờ P xác nhận cho gia đình ông D1 được tiếp tục sử dụng diện tích khoảng 472 m² đất tại Khu Bãi T, thôn Đ, xã VH. Sau khi nghe ông D1 trình bày về nguồn gốc đất, P đồng ý và hướng dẫn ông D1 về viết đơn, thời điểm làm đơn lùi về năm 1999. Khi nhận được đơn của ông D1, P cũng sử dụng các con dấu giả mua được đóng xác nhận và ký xác nhận vào đơn trên cho ông D1 với nội dung: “*Đơn đề nghị của trình bày trên là đúng sự thật giao hộ gia đình ông D1 tiếp tục sử dụng thửa đất trên 472 m² đúng mục đích*”. Sau đó, P đưa lại đơn có nội dung xác nhận trên cho ông D1.

Thời gian sau đó, do con dấu tên và dấu chức danh bị hỏng nên P đã vứt đi và tiếp tục đặt mua trên mạng xã hội của một người không quen biết 01 dấu có nội dung “U.B.N.D XÃ VH”, 01 dấu chức danh “CHỦ TỊCH” và 01 dấu tên “Đặng Minh P” bằng chất liệu đồng với giá 300.000 đồng nhưng chưa sử dụng lần nào.

Qua quá trình quản lý và thanh kiểm tra, UBND xã VH phát hiện các vi phạm về trật tự xây dựng xây dựng và sử dụng đất có liên quan nên đã báo cho Công an huyện A để giải quyết theo quy định.

Vật chứng tạm giữ trong quá trình điều tra:

- Cửa Đặng Minh P:
+ 01 dấu tròn “U.B.N.D XÃ VH H.A TP.HÀ NỘI”;
+ 01 dấu “U.B.N.D XÃ VH”;
+ 01 dấu chức danh “CHỦ TỊCH”;
+ 01 dấu tên “Đặng Minh P”;
+ 02 văn bản có xác nhận nguồn gốc đất bản chính do P xác nhận cho ông Nguyễn Hữu D và ông Ngô Văn D1.

- Cửa UBND xã VH: Các giấy tờ, tài liệu có liên quan đến mẫu dấu, chữ ký, dấu tên chức danh của UBND xã VH và Chủ tịch xã Đặng Minh P.

- Cửa Công an xã VH: 02 bản xác nhận nguồn gốc đất (Chứng thực bản sao đúng với bản chính tại Văn phòng công chứng A) có xác nhận của Đặng Minh P cho ông Nguyễn Viết Đ và ông Nguyễn Viết O.

Tại Bản kết luận giám định số 7789/KL-KTHSN ngày 30/11/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự- Công an thành phố Hà Nội đã kết luận: Con dấu mang tên UBND xã VH không đóng ra hình dấu tròn trên các mẫu so sánh (Tài liệu, văn bản của UBND xã VH).

Tại Bản kết luận giám định số 2884/KL-KTHS ngày 24/4/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự- Công an thành phố Hà Nội đã kết luận: Con dấu giả mang tên UBND xã VH đóng ra hình dấu tròn trong đơn xác nhận của ông Nguyễn Hữu D và Ngô Văn D1.

Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội từ chối giám định đối với bản photo của ông Nguyễn Viết O và Nguyễn Viết Đ.

Kết quả xác minh tại Văn phòng công chứng A xác định: Văn phòng công chứng A có thực hiện việc chứng thực bản sao từ bản chính đối với “Đơn xin cấp đất” của ông Nguyễn Viết Đ và “Đơn xác nhận sử dụng đất” của ông Nguyễn Viết O. Quy trình, thủ tục chứng thực được thực hiện theo đúng trình tự và quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra, Đặng Minh P khai nhận hành vi như đã nêu trên, ngoài ra còn khai: Ngoài việc sử dụng con dấu giả xác nhận cho 04 hộ gia đình trên thì P còn sử dụng con dấu giả xác nhận cho bà Lương Thị A. Tuy nhiên, P đã đến nhà bà A lấy lại bản chính giấy xác nhận và tự tiêu hủy nên không có để giao nộp lại cho Cơ quan điều tra. Bà Lương Thị A khai nhận phù hợp với lời khai của P. Tuy nhiên, do không thu giữ được tài liệu liên quan, không xác định được P có sử dụng con dấu giả hay không nên Cơ quan điều tra không đủ căn cứ làm rõ lần thực hiện hành vi này của P.

Các ông: Nguyễn Viết Đ, Nguyễn Viết O, Nguyễn Hữu D và Ngô Văn D1 xác định khi đến gặp P để nhờ xác nhận thì đều không biết việc P đã nghỉ hưu và không phải mất chi phí gì cho P. Các ông cam kết chưa từng sử dụng các giấy tờ xác nhận của P để tham gia bất kỳ giao dịch dân sự nào. Do đó, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với các đối tượng nhận làm con dấu giả cho P nhưng không xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để làm rõ và xử lý.

Đối với 01 dấu tròn “U.B.N.D XÃ VH H.A TP.HÀ NỘI”; 01 dấu “U.B.N.D XÃ VH”; 01 dấu chức danh “CHỦ TỊCH”; 01 dấu tên “Đặng Minh P” đều là giả, là vật chứng vụ án, chuyển Tòa án nhân dân huyện A giải quyết theo thẩm quyền.

Cáo trạng số 133/CT-VKSĐA ngày 31/5/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã quyết định truy tố Đặng Minh P về tội: Sử dụng con dấu giả của cơ quan, tổ chức theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa,

Bị cáo Đặng Minh P khai nhận tội và thừa nhận toàn bộ hành vi đặt mua các con dấu giả trên mạng xã hội với mục đích để làm lưu niệm, nhưng sau đó do nể nang, muốn nâng cao uy tín và giữ hình ảnh đẹp trong mắt người dân nên đã sử dụng để xác nhận, hợp thức quyền sử dụng đất cho các hộ dân trên địa bàn xã VH. Bị cáo xác định không được bất kỳ lợi ích vật chất nào. Khi được nói lời sau cùng, bị cáo ăn năn, hối cải và mong nhận được sự khoan hồng của pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A giữ quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích nội dung, tính chất của vụ án, một lần nữa khẳng định việc truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như Cáo trạng đã nêu là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Xử phạt: Đặng Minh P từ 30 tháng đến 60 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng.

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng : Tịch thu, tiêu hủy 01 dấu tròn giả “U.B.N.D XÃ VH H.A TP.HÀ NỘI”; 01 dấu “U.B.N.D XÃ VH”; 01 dấu chức danh “CHỦ TỊCH”; 01 dấu tên “Đặng Minh P”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về hành vi và tội danh của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác tại cơ quan điều tra, được chứng minh bằng tang vật vụ án thu được tại là các Đơn xin cấp đất, Đơn xác nhận nguồn gốc đất do bị cáo xác nhận nhưng toàn bộ hoặc đã được kết luận giám định dấu là giả, hoặc do bị cáo và chủ thể xin xác nhận đều thừa nhận và xác định là giả (Chỉ thu giữ được bản chứng thực nhưng không thuộc trường hợp phải bắt buộc trưng cầu giám định theo quy định tại Điều 206 Bộ luật tố tụng hình sự). Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ tháng 02/2020 đến tháng 3/2021, tại xã VH, huyện A, TP. Hà Nội, bị cáo Đặng Minh P đã 04 lần có hành vi sử dụng con dấu tròn giả **“U.B.ND XÃ VH H.A TP.HÀ NỘI”**, dấu chức danh **“CHỦ TỊCH”** và dấu tên **“Đặng Minh P”** xác nhận để hợp thức quyền sử dụng đất cho các hộ dân trên địa bàn, cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Khoảng tháng 02/2020, xác nhận cho ông Nguyễn Viết Đ được quyền sử dụng diện tích đất ao tại khu trong làng thôn LG, xã VH.

- Lần thứ hai: Khoảng tháng 6/2020, xác nhận cho ông Nguyễn Viết O được sử dụng diện tích đất ao tại khu vực bờ điện thôn LG, xã VH.

- Lần thứ ba: Khoảng tháng 3/2021, xác nhận cho ông Nguyễn Hữu D được sử dụng lâu dài đối với diện tích đất tại Khu bãi T, xã VH.

- Lần thứ tư: Vào tháng 3/2021, xác nhận cho ông Ngô Văn D1 được tiếp tục sử dụng diện tích đất tại Khu Bãi T, thôn Đ, xã VH, huyện A.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội vì đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn bình thường của các cơ quan Nhà nước, tổ chức trong hoạt động quản lý hành chính, đặc biệt là trong lĩnh vực quản lý đất đai. Bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ, nhận thức được hành vi và hậu quả do hành vi của mình gây ra, song do nể nang, thiếu tu dưỡng, thiếu ý thức tôn trọng pháp luật, bị cáo vẫn cố tình thực hiện.

Do đó, hành vi của bị cáo Đặng Minh P phạm tội: Sử dụng con dấu giả của cơ quan, tổ chức quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự. Nội dung Điều luật quy định:

Điều 341:

“1. Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm:

...

b) Phạm tội 02 lần trở lên;”

Việc đưa bị cáo ra xét xử và có mức hình phạt thỏa đáng nhằm giáo dục bị cáo, đồng thời đấu tranh, tuyên truyền, phòng ngừa chung là cần thiết.

Đối với các đối tượng đã bán và giao con dấu giả giả cho bị cáo nhưng không làm rõ được nhân thân, lai lịch, do đó Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý là đúng quy định pháp luật.

Đối với các chủ thể đến gặp P để nhờ xác nhận đều không biết việc P đã nghỉ hưu và không phải mất chi phí gì cho P, chưa từng sử dụng các giấy tờ xác nhận của P để tham gia bất kỳ giao dịch dân sự nào. Do đó, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

[3] Về nhân thân và tiền án, tiền sự của bị cáo: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự.

[4] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

- Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; Là người cao tuổi (65 tuổi); Có thành tích xuất sắc trong lao động, công tác được tặng thưởng nhiều Giấy khen, Bằng khen, Kỷ niệm chương của các cấp từ Trung ương đến địa phương; Có bố đẻ và người thân là người có công với Cách mạng; Là lao động chính trong gia đình có hoàn cảnh khó khăn; Chính quyền địa phương nơi bị cáo từng công tác có văn bản đề nghị khoan hồng, giảm nhẹ cho bị cáo nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo Điểm s, v Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt chính: Khi lượng hình, Tòa án xét đến nhân thân, tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội, hậu quả vụ án và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo để từ đó có hình phạt tương xứng. Cụ thể: Bị cáo phạm tội nghiêm trọng nên đáng ra cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng răn đe, giáo dục. Tuy nhiên, trong vụ án này, đánh giá nguyên nhân bị cáo phạm tội xuất phát ban đầu do có cơ hội từ việc quản lý lỏng lẻo các giao dịch trên không gian mạng xã hội, sau đó do nể nang, muốn nâng cao uy tín và giữ hình ảnh đẹp trong mắt người dân nên bị cáo đã sử dụng để xác nhận, hợp thức quyền sử dụng đất cho các hộ dân trên địa bàn mà mình đã từng quản lý; Bị cáo không có động cơ vụ lợi và cũng không thu lời bất chính; Hành vi của bị cáo chưa gây ra hậu quả, thiệt hại cho Nhà nước cũng như các chủ thể khác. Ngoài ra, xem xét bị cáo đã cao tuổi, phải phụng dưỡng mẹ già, chăm sóc con trai bị tàn tật, mất khả năng lao động, đồng thời có nhiều công hiến, đóng góp thiết thực cho địa phương, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy, việc không cách ly bị cáo khỏi xã hội cũng đủ răn đe, giáo dục, không ảnh hưởng đến công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm nên xử phạt bị cáo hình phạt tù, cho hưởng án treo thể hiện sự khoan hồng, nhân văn của Pháp luật và giảm bớt khó khăn cho công tác thi hành án hình sự, giam giữ, cải tạo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét độ tuổi, điều kiện kinh tế, nghề nghiệp, khả năng thi hành án thì không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về vật chứng vụ án: Cần áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để: Tịch thu, tiêu hủy 01 dấu tròn giả “U.B.N.D XÃ VH H.A TP.HÀ NỘI”; 01 dấu “U.B.N.D XÃ VH”; 01 dấu chức danh “CHỦ TỊCH”; 01 dấu tên “Đặng Minh P” đều là giả do là vật Nhà nước cấm lưu hành và không còn giá trị sử dụng.

[8] Quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A giữ quyền công tố tại phiên tòa về tội danh, đề xuất hình phạt chính đối với bị cáo và các nội dung khác liên quan là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[9] Về án phí: Bị cáo được miễn án phí do là người cao tuổi.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đặng Minh P phạm tội: Sử dụng con dấu giả của cơ quan, tổ chức.

2. Về hình phạt chính:

Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 341; Điểm s, v Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Đặng Minh P **30** (Ba mươi) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **60** (Sáu mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Đặng Minh P cho Ủy ban nhân dân xã VH, huyện A, TP. Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của Bản án.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (Hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về vật chứng vụ án: *Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự;*

Tịch thu, tiêu hủy 01 dấu tròn giả mang tên “U.B.N.D XÃ VH H.A TP.HÀ NỘI”; 01 dấu “U.B.N.D XÃ VH”; 01 dấu chức danh “CHỦ TỊCH”; 01 dấu tên “Đặng Minh P” (Theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 12/6/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra- Công an huyện A với Chi cục thi hành án dân sự huyện A).

4. Về án phí: *Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

Bị cáo Đặng Minh P được miễn án phí.

5. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Án xử công khai sơ thẩm. Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần Bản án hoặc quyết định có liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- Sở tư pháp Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện A;
- Công an huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã VH;
- Lưu hồ sơ./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Lâm Bình

